

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

Bản án số: 76/2020/HS-PT
Ngày: 04-6-2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Minh Châu.

Các Thẩm phán:

1. Ông Phạm Văn Tâm;
2. Ông Nguyễn Văn Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phở, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hoàng Việt, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 38/2020/TLPT-HS ngày 12 tháng 3 năm 2020 đối với bị cáo Đoàn Thị Mỹ V cùng đồng phạm; do có kháng cáo của các bị cáo Đoàn Thị Mỹ V, Lương Thị Kim D, Lâm Hữu H, Trần Ngọc T5, Nguyễn H2, Lê Văn T; đối với Bản án Hình sự sơ thẩm số: 05/2020/HS-ST ngày 10 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Các bị cáo kháng cáo:

1. Đoàn Thị Mỹ V, sinh năm 1966, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Bán vé số; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Thế P (chết) và bà Trần Thị L; có chồng là Lê Văn T (bị cáo trong vụ án); có 04 người con, lớn sinh năm 1983, nhỏ sinh năm 1991.

Tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số: 48/HSST ngày 05/10/2004 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh: áp dụng khoản 1 Điều 248; Điều p, h khoản 1 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999; xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Đánh bạc”. Tiền sự: Không có; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/6/2019 đến ngày 11/7/2019 được thay thế bằng biện pháp Bảo Lãnh; bị cáo có mặt.

2. Lương Thị Kim D, sinh năm 1966, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn T2 (chết) và bà Nguyễn Thị T3 (chết); có chồng Lâm Hữu H (bị cáo trong vụ án); con 02 người sinh năm 1992 và sinh năm 1994.

Tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số: 06/2005/HSST ngày 24/11/2005 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh: áp dụng khoản 1, 3 Điều 249; Điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999; xử phạt 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng về tội “Tổ chức đánh bạc”; phạt bổ sung số tiền 10.000.000 đồng; truy T11 số tiền 900.000 đồng T11 L4 bất chính. Tiền sự: Không có; đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo có mặt.

3. Lâm Hữu H, sinh năm 1964, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm Hữu T4 (chết) và bà Lê Thị L2; có vợ là Lương Thị Kim D (là bị cáo trong vụ án) và 02 người con sinh năm 1992 và 1994; tiền án, tiền sự: Không có.

Nhân thân:

+ Ngày 12/02/2014, Công an huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phạt số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Đánh bạc”, đã chấp hành xong.

+ Ngày 12/5/2016, Công an huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xử phạt số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Đánh bạc”; đã chấp hành xong ngày 05/10/2016;

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/6/2019 đến ngày 02/9/2019; thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo có mặt.

4. Trần Ngọc T5 (G), sinh năm 1988, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc C và bà Nguyễn Thị T6; có vợ Trần Thị Bích T7; có 1 con sinh năm 2013. Tiền án, tiền sự: Không có;

Nhân thân:

+ Ngày 19/10/2004, Chủ tịch UBND huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, thời hạn 24 tháng tại Trường giáo dưỡng số 4 T11ộc huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

+ Từ năm 2007 đến năm 2009, Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở giáo dục bắt buộc trong thời hạn 24 tháng tại Trại Phú Giáo T11ộc huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo có mặt.

5. Nguyễn H2 (S), sinh năm 1991, tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật;

quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn P2 (chết) và bà Huỳnh Thị D2; có vợ là Trần Thị Mỹ L3 và 01 người con sinh năm 2007. Tiền án, tiền sự: Không có; bị bắt tạm giam từ ngày 06/9/2019 đến ngày 19/12/2019; thay thế biện pháp Bảo Lĩnh; bị cáo có mặt.

6. Lê Văn T, sinh năm 1957, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Bán vé số; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T8 (chết) và bà Lê Thị T9 (chết); Vợ: Đoàn Thị Mỹ V (bị cáo trong vụ án); có 04 người con, lớn sinh năm 1983, nhỏ sinh năm 1991.

Tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số: 48/HSST; Ngày 05/10/2004 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p, h khoản 1 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật Hình sự; xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội “Đánh bạc” phạt bổ sung số tiền 3.000.000 đồng. Tiền sự: Không có.

Nhân thân: Ngày 12/02/2014, Công an huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Đánh bạc”; đã chấp hành xong; bị tạm giữ từ ngày 04/6/2019; đến ngày 14/6/2019 được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo có mặt.

Trong vụ án còn có 10 bị cáo khác không có kháng cáo, kháng nghị, Tòa án không triệu tập.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 3/2019, các bị cáo T10, V, D tổ chức đánh bạc với hình thức lặc tài xỉu thắng thua bằng tiền cho nhiều người tham gia; cùng thỏa thuận: T10 hùn vốn 70%, V hùn 20%, D hùn vốn 10% trên tổng số tiền vốn bỏ ra để làm cái lặc tài xỉu. Bị cáo D không tham gia, nhưng cho chồng là bị cáo Lê Văn H mỗi ngày đến sòng bạc giám sát, cuối buổi đánh bạc tính tiền thắng thua theo tỷ lệ hùn vốn. Bị cáo T10 tìm địa điểm vườn cao su trên địa bàn huyện Tân Châu để tổ chức đánh bạc, sau đó thông báo cho các bị cáo V, D và những người tham gia đánh bạc biết. Bị cáo T10 Thuê bị cáo T5, bị cáo H2 và người tên R (không rõ nhân thân, lai lịch) cảnh giới nếu có Công an sẽ thông báo; cuối buổi đánh bạc, bị cáo T10 trả tiền công mỗi người số tiền từ 250.000 đồng đến 300.000 đồng/ngày.

Khoảng 12 giờ 00 phút ngày 04/6/2019, bị cáo T10 chọn địa điểm vườn cao su của ông Trần Văn B; ấp Thạnh Hiệp, xã Thạnh Đông, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; tổ chức đánh bạc đem theo manh nhựa, hột xí ngầu, chung, đĩa...; trực tiếp làm cái lặc tài xỉu cho nhiều người tham gia; các bị cáo T5, H2 và người tên R cảnh giới.

Tại sòng tài xỉu, bị cáo V đưa cho bị cáo T10 số tiền 2.000.000 đồng để chung chi cho những con bạc; nếu thua hết các bị cáo T10 và D sẽ hùn vốn tiếp như đã thỏa thuận; phần tiền của bị cáo D do bị cáo H chi. Mỗi con bạc đặt cược

số tiền từ 20.000 đồng đến số tiền 300.000 đồng; các bị cáo V, H giám sát việc gian lận bài; bị cáo H còn tham gia cá cược.

Vai trò, mức độ tổ chức đánh bạc và đánh bạc và số tiền các bị cáo dùng đánh bạc như sau: Bị cáo T10 đem theo số tiền 4.700.000 đồng; bị cáo V đem theo số tiền 2.900.000 đồng; bị cáo H đem theo số tiền 2.500.000 đồng để hùn vốn làm cái lặc tài xỉu; tự đặt cược (theo cái bắt số) mỗi ván số tiền 100.000 đồng; bị cáo T đem theo số tiền 700.000 đồng tham gia đặt cược, mỗi ván số tiền từ 20.000 đồng đến số tiền 40.000 đồng; bị cáo K đem theo số tiền 1.150.000 đồng tham gia đặt cược, mỗi ván 50.000 đồng; bị cáo Sen bán nước được số tiền 160.000 đồng tham gia đặt cược, mỗi ván từ 20.000 đồng đến 30.000 đồng; bị cáo Nhiều đem theo số tiền 4.070.000 đồng tham gia đặt cược, mỗi ván từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng; bị cáo T11 đem theo số tiền 3.400.000 đồng tham gia đặt cược, mỗi ván từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng; bị cáo L4 đem theo số tiền 760.000 đồng tham gia đặt cược, mỗi ván từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng; bị cáo T12 đem theo số tiền 20.000 đồng đặt cược được một ván; bị cáo Văn P3 đem theo số tiền 100.000 đồng tham gia đặt cược, mỗi ván từ 50.000 đồng; bị cáo Đình P4 đem theo số tiền 250.000 đồng tham gia đặt cược, mỗi ván từ 30.000 đồng đến 50.000 đồng; bị cáo L2 đem theo số tiền 300.000 đồng, tham gia đặt cược, mỗi ván từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng; bị cáo V2 tham gia đặt cược, mỗi ván từ 50.000 đồng đến 300.000 đồng.

Ngoài ra, Lương Tuấn D2, sinh năm 1999 ngụ Khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; có hành vi giúp sức làm cái Tài Xỉu thắng thua bằng tiền vào khoảng tháng 3/2019, khi bị cáo T10 tổ chức đánh bạc; Nguyễn Việt, sinh năm 1981 ngụ khu phố 3, thị trấn Tân Châu, huyện Tân Châu tham gia đánh bạc đặt cược tài xỉu mỗi ván 50.000 đồng, Việt đã ra về trước khi bị bắt quả tang ngày 04/6/2019; Thảo và Trắng không rõ nhân thân tham gia đánh bạc mỗi ván từ 30.000 đồng đến 50.000 đồng.

Tổng số tiền dùng để đánh bạc 27.210.000 đồng; số tiền thu trên chiếu bạc 12.410.000 đồng.

Đến khoảng 15 giờ 40 phút cùng ngày, sòng bạc bị bắt quả tang cùng tang vật.

Bản án Hình sự sơ thẩm số: 05/2020/HS-ST ngày 10 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; quyết định:

1. Căn cứ điểm a, d khoản 1 Điều 322; khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, 38, 55 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lâm Hữu H 01 năm tù về tội “ Tổ chức đánh bạc”; 06 tháng tù về tội “ Đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt 02 tội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung 01 năm 06 tháng tù; thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án; khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 04-6-2019 đến ngày 02-9-2019.

2. Căn cứ điểm a, d khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51, 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Trần Ngọc T5 (G) 01 năm tù về tội “ Tổ chức đánh bạc”; thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

3. Căn cứ điểm a, d khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51, 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn H2 (S) 01 năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”; thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án; khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 06-9-2019 đến ngày 19-12-2019.

4. Căn cứ điểm a, d, đ khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51, 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đoàn Thị Mỹ V 01 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”; thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án; khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 04-6-2019 đến ngày 11-7-2019.

5. Căn cứ điểm a, d, đ khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51, 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lương Thị Kim D 01 năm 03 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”; thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

6. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Văn T 06 tháng tù về tội “Đánh bạc”; thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án; khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 04-6-2019 đến ngày 14-7-2019.

Bị cáo Nguyễn Thị Lệ T10 bị xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Các bị cáo Đỗ Thị Sen, Nguyễn Thị Ngọc Nhiều, Trương Thị Mỹ L2, Nguyễn Văn T12, Cao Bá L4, Lê Đình P4, Đỗ Minh K phạm tội “Đánh bạc”; xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo và phạt tiền.

Bản án sơ thẩm tuyên về biện pháp tư pháp, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 21-02-2020, bị cáo Lâm Hữu H kháng cáo xin hưởng án treo; do hoàn cảnh gia đình khó khăn, phải nuôi 02 con nhỏ.

Ngày 21-02-2020, bị cáo Trần Ngọc T5 có đơn kháng cáo xin hưởng án treo; do có con nhỏ.

Ngày 21-02-2020, bị cáo Lê Văn T có đơn kháng cáo xin hưởng án treo; do hoàn cảnh gia đình khó khăn, mẹ vợ bệnh tật.

Ngày 12-02-2020, bị cáo Nguyễn H2 có đơn kháng cáo xin hưởng án treo; do hoàn cảnh gia đình khó khăn, con nhỏ, vợ mới sanh.

Ngày 21-02-2020, bị cáo Đoàn Thị Mỹ V có đơn kháng cáo xin hưởng án treo; do hoàn cảnh gia đình khó khăn, chăm sóc mẹ già ốm đau.

Ngày 21-02-2020, bị cáo Lương Thị Mỹ D có đơn kháng cáo xin hưởng án treo; do hoàn cảnh gia đình khó khăn, phải nuôi 02 con nhỏ.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, đều xin Hội đồng xét xử cho hưởng án treo. Riêng bị cáo D thay đổi yêu cầu kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đề nghị: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Lời nói sau cùng của các bị cáo xin Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Xét thấy các hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo khai nhận: Các bị cáo T10, V, D và H đã tổ chức đánh bạc với hình thức lặc tài xỉu thắng thua bằng tiền cho nhiều người tham gia và thỏa thuận hùn vốn theo tỷ lệ: bị cáo T10 70%, bị cáo V 20% và bị cáo D 10%. Bị cáo T10 tìm địa điểm để tổ chức đánh bạc, chuẩn bị dụng cụ lặc tài xỉu; trực tiếp thuê các bị cáo T5, H2 cảnh giới Công an và chi trả tiền thuê. Thời gian tổ chức đánh bạc từ tháng 3/2019; đến ngày 04-6-2019 bị bắt quả tang tại vườn cao su của ông Trần Văn B; ấp Thạnh Hiệp, xã Thạnh Đông, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Tổng số tiền dùng để đánh bạc 27.210.000 đồng; số tiền thu trên chiếu bạc 12.410.000 đồng.

Lời khai của các bị cáo phù hợp biên bản bắt người phạm tội quả tang, các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo V, D, H, T5, H2 về tội “Tổ chức đánh bạc” theo Điều 322 của Bộ luật Hình sự; xử phạt các bị cáo Lâm Hữu H, Lê Văn T về tội “Đánh bạc” theo Điều 321 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[3] Vụ án có tính chất nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Các bị cáo đều có tiền án, tiền sự về hành vi đánh bạc; đều biết đánh bạc là hành vi được pháp luật nghiêm cấm dưới mọi hình thức, nhưng tổ chức cho nhiều đối tượng tham gia cá cược thắng thua bằng tiền một thời gian dài là cố ý, xem thường luật pháp; hành vi đánh bạc là tệ nạn xã hội, có thể dẫn đến nhiều loại tội phạm khác như trộm cắp, cướp tài sản . . .; đồng thời gián tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng; gây mất trật tự trị an chung tại địa phương; cần nghiêm trị.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ tính chất, mức độ của hành vi phạm tội; áp dụng những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân; xử phạt các bị cáo với mức án tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo không cung cấp tình tiết giảm nhẹ mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo.

[6] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp nên chấp nhận.

[7] Án phí: Theo khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016; các bị cáo kháng cáo không được chấp nhận nên mỗi bị cáo phải chịu số tiền 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.
2. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo

3. Giữ nguyên Bản án Hình sự sơ thẩm số: 05/2020/HS-ST ngày 10 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

3.1. Căn cứ điểm a, d khoản 1 Điều 322; khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, 38, 55 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lâm Hữu H 01 (một) năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”; 06 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt 02 tội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án; khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 04-6-2019 đến ngày 02-9-2019.

3.2. Căn cứ điểm a, d khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51, 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Trần Ngọc T5 (G) 01 (một) năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”; thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

3.3. Căn cứ điểm a, d khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51, 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn H2 (S) 01 (một) năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”; thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án; khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 06-9-2019 đến ngày 19-12-2019.

3.4. Căn cứ điểm a, d, đ khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51, 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đoàn Thị Mỹ V 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”; thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án; khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 04-6-2019 đến ngày 11-7-2019.

3.5. Căn cứ điểm a, d, đ khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51, 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lương Thị Kim D 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”; thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

3.6. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Văn T 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”; thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án; khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 04-6-2019 đến ngày 14-7-2019.

4. Về án phí: Bị cáo Đoàn Thị Mỹ V, Lương Thị Kim D, Lâm Hữu H, Trần Ngọc T5, Nguyễn H2, Lê Văn T mỗi bị cáo phải chịu số tiền 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Công an huyện T;
- Phòng lý lịch tư pháp, Sở tư pháp;
- Phòng KTNV&THA tỉnh;
- Bị cáo;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Những người tggđ khác;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thanh Minh Châu